

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
HOA TIÊU HÀNG HẢI MIỀN NAM
CHI NHÁNH HOA TIÊU V

CÔNG TY TNHH MTV
HOA TIÊU HÀNG HẢI MIỀN NAM

Số: 231
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc 11/9/24
huyện:.....

Số: 01/QĐ-CTHTHMMN-CNHT.V

Cần Thơ, ngày 04 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành biểu giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải

GIÁM ĐỐC

CHI NHÁNH HOA TIÊU V

- Kle: Chủ tịch chi
- Ban GD, KSV
- P.TCT
- P.KTCH
- P.HC

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 146/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2016 của chính phủ qui định việc niêm yết giá, phụ thu ngoài giá dịch vụ vận chuyển hàng hóa container bằng đường biển, giá dịch vụ tại cảng biển;

Căn cứ Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 05 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc Quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 814/QĐ-BGTVT ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ giao thông vận tải về việc ban hành giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại cảng biển Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ của Chi nhánh hoa tiêu V;

Xét đề nghị của Trưởng các phòng ban nghiệp vụ Công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Biểu giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải” của Chi nhánh Công ty TNHH MTV hoa tiêu hàng hải miền Nam - Hoa tiêu V, các mức giá qui định tại Biểu giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Những nội dung chưa quy định tại Quyết định này sẽ được thực hiện theo Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc qui định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam và Quyết định số 814/QĐ-BGTVT ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ giao thông vận tải về việc ban hành giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại cảng biển Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày **04 tháng 9 năm 2024** bãi bỏ Quyết định số 67/QĐ-CTHTHMKV.V ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc ban hành biểu giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải.

Điều 3. Ban Giám đốc, Trưởng các phòng, ban Chi nhánh và các khách hàng liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Hàng hải Việt Nam (để báo cáo)
- Cty HTHHMN (để báo cáo)
- Sở tài chính Tp Cần Thơ (báo cáo)
- Cục thuế Tp Cần Thơ (báo cáo)
- Lưu: VT, KT.



Vũ Văn Kiên

BIỂU GIÁ DỊCH VỤ HOA TIÊU HÀNG HẢI

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 01/QĐ/CTHTHMN-CNHT.V ngày 04/9/2024 của Chi nhánh Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền nam – Hoa tiêu V)

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng giá dịch vụ hoa tiêu

1. Biểu giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức cá nhân nước ngoài liên quan đến hoạt động cung cấp và sử dụng dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại cảng biển Việt Nam.

2. Đối tượng tính giá dịch vụ đối với hoạt động hàng hải quốc tế, bao gồm:

a) Tàu thuyền xuất cảnh, nhập cảnh hoặc quá cảnh vào, rời, đi qua hoặc neo đậu tại khu vực hàng hải; tàu thuyền nước ngoài vào hoạt động tại cảng biển Việt Nam;

b) Tàu thuyền hoạt động vận tải hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển, quá cảnh tại khu vực hàng hải;

c) Tàu thuyền vận tải hành khách từ Việt Nam đi nước ngoài hoặc từ nước ngoài đến Việt Nam; tàu thuyền chuyên dùng hoạt động trên tuyến quốc tế vào, rời, đi qua hoặc neo đậu tại khu vực hàng hải;

3. Đối tượng tính giá dịch vụ đối với hoạt động hàng hải nội địa, bao gồm:

a) Tàu thuyền hoạt động hàng hải nội địa vào, rời, đi qua hoặc neo đậu tại khu vực hàng hải;

b) Tàu thuyền vận tải hàng hóa, hành khách hoạt động hàng hải nội địa vào, rời, đi qua hoặc neo đậu tại khu vực hàng hải;

c) Tàu thuyền hoạt động trên các tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam;

4. Tàu công vụ là tàu thuyền chuyên dùng để thực hiện công vụ của Nhà nước không vì mục đích thương mại không thuộc đối tượng tính giá theo quy định tại Biểu giá này.

5. Tàu thuyền vào, rời cảng tránh trú bão hoặc để bàn giao người bị nạn trên biển mà không xếp dỡ hàng hóa, không nhận trả khách có xác nhận của cảng vụ hàng hải tại khu vực; tàu thuyền tham gia tìm kiếm cứu nạn, phòng chống lụt bão, thiên tai theo lệnh điều động hoặc được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền không thuộc đối tượng tính giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải.

Điều 2. Tuyến dẫn tàu của Công ty Hoa tiêu hàng hải khu vực V

1. Vùng nước hoạt động chính: Cục Hàng hải Việt Nam có quyết định 807/QĐ-CHHVN ngày 01/10/2012, công văn số 4928/CHHVN-PC ngày 19/11/2014 và quyết định 1919/QĐ-CHHVN ngày 09/12/2016 giao cho Công ty tổ chức cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải trên các tuyến dẫn tàu:

- Tuyến dẫn tàu sông Hậu;
- Tuyến dẫn tàu Hòn Chông;
- Tuyến dẫn tàu Bình Trị;
- Tuyến dẫn tàu Dương Đông;
- Tuyến dẫn tàu Bãi Vòng;
- Tuyến dẫn tàu Hà Tiên;
- Tuyến dẫn tàu An Thới;
- Tuyến dẫn tàu Năm Căn;
- Tuyến tàu khách Mỹ Tho - Sa Đéc - Châu Đốc - Vĩnh Xương;
- Tuyến dẫn tàu nhà máy nhiệt điện Duyên Hải;

2. Các vùng nước khác: Thuộc các khu vực hàng hải mà Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực V được cấp phép hoạt động.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong biểu giá này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tàu thuyền là phương tiện hoạt động trên mặt nước hoặc dưới mặt nước bao gồm tàu, thuyền và các phương tiện khác có động cơ hoặc không có động cơ.

2. Tàu thuyền chuyên dùng phục vụ dầu khí là tàu thuyền phục vụ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí hoặc thực hiện các hoạt động liên quan đến dịch vụ dầu khí.

3. Tổng dung tích - Gross Tonnage (GT) là dung tích toàn phần lớn nhất của tàu thuyền được ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định.

4. Lượt dẫn là việc hoa tiêu hàng hải dẫn tàu liên tục từ vị trí hoa tiêu lên tàu đến vị trí hoa tiêu rời tàu theo quy định.

5. Một chuyến được tính là tàu thuyền vào khu vực hàng hải 01 lượt và rời khu vực hàng hải 01 lượt.

6. Tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo bao gồm các tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam được công bố theo quy định của pháp luật.

7. Hàng hóa trung chuyển là hàng hóa được vận chuyển từ nước ngoài đến cảng biển Việt Nam và đưa vào bảo quản tại khu vực trung chuyển của cảng biển

trong một thời gian nhất định rồi xếp lên tàu thuyền khác để vận chuyển ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

8. Hàng hóa quá cảnh là hàng hóa có nơi gửi hàng (gốc) và nơi nhận hàng (đích) ở ngoài lãnh thổ Việt Nam đi thẳng hoặc được xếp dỡ qua cảng biển Việt Nam hoặc nhập kho, bãi để đi tiếp.

Điều 4. Đơn vị tính và cách làm tròn

1. Tổng dung tích (GT) là một trong các đơn vị cơ sở để tính giá dịch vụ tại cảng biển.

2. Đối với tàu thuyền không ghi GT chọn phương thức quy đổi có dung tích GT lớn nhất, được quy đổi như sau:

a) Tàu biển và phương tiện thủy nội địa tự hành: 1,5 tấn trọng tải tính bằng 01 GT;

b) Sà lan: 01 tấn trọng tải toàn phần tính bằng 01 GT;

c) Tàu kéo, tàu đẩy, tàu chở khách (kể cả thủy phi cơ) và cầu nổi: 01 mã lực (HP, CV) tính bằng 0,5 GT; 01 KW tính bằng 0,7 GT; 01 tấn sức nâng của cầu đặt trên tàu thuyền tính bằng 06 GT;

d) Tàu thuyền chở khách không ghi công suất máy: 01 ghế ngồi dành cho hành khách tính bằng 0,67 GT; 01 giường nằm tính bằng 04 GT;

đ) Trường hợp tàu thuyền là đoàn lai kéo, lai đẩy hoặc lai cập mạn: tính bằng tổng dung tích của cả đoàn lai kéo, lai đẩy hoặc lai cập mạn, bao gồm: sà lan, đầu kéo hoặc đầu đẩy.

3. Đơn vị tính công suất máy: công suất máy chính của tàu thuyền được tính theo HP, CV hoặc KW; phần lẻ dưới 01 HP, 01 CV hoặc 01 KW tính tròn là 01 HP, 01 CV hoặc 01 KW.

4. Đơn vị thời gian:

a) Đối với đơn vị thời gian là ngày: 01 ngày tính là 24 giờ; phần lẻ của ngày từ 12 giờ trở xuống tính bằng 1/2 ngày, trên 12 giờ tính bằng 01 ngày;

b) Đối với đơn vị thời gian là giờ: 01 giờ tính bằng 60 phút; phần lẻ từ 30 phút trở xuống tính bằng 1/2 giờ, trên 30 phút tính bằng 01 giờ.

5. Đơn vị khối lượng hàng hóa (kể cả bao bì) là tấn hoặc mét khối (m^3); phần lẻ dưới 0,5 tấn hoặc $0,5 m^3$ không tính, từ 0,5 tấn hoặc $0,5 m^3$ trở lên tính bằng 01 tấn hoặc $01 m^3$. Trong một vận đơn lẻ, khối lượng tối thiểu để tính giá là 01 tấn hoặc $01 m^3$. Với loại hàng hóa mỗi tấn chiếm từ $02 m^3$ trở lên thì cứ $02 m^3$ tính bằng 01 tấn.

6. Đơn vị khoảng cách tính giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải là hải lý (HL); phần lẻ dưới 01 HL tính bằng 01 HL.

Điều 5. Đồng tiền tính giá dịch vụ

1. Đồng tiền tính giá dịch vụ hoa tiêu là đồng Việt Nam hoặc Đô la Mỹ đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế; Đồng tiền tính giá dịch vụ hoa tiêu là đồng Việt Nam đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa.

2. Trường hợp chuyển đổi từ Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam thì quy đổi theo tỷ giá giao dịch mua chuyển khoản công bố tại Ngân hàng Công ty mở tài khoản tại thời điểm phát hành hóa đơn.

Điều 6. Cơ sở xác định giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải

1. Giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải được tính theo từng lượt dẫn tàu, bằng tích số của giá dịch vụ tương ứng quy định tại Điều 8, Điều 9 Biểu giá này với cự ly dẫn tàu với tổng dung tích của tàu thuyền; riêng đối với khoản 2 Điều 8 và điểm 1 khoản 1 Điều 9 thì được tính bằng tích số của giá dịch vụ tương ứng với tổng dung tích của tàu thuyền.

2. Trường hợp giá dịch vụ hoa tiêu tính theo quy định tại khoản 1 Điều này thấp hơn giá tối thiểu cho 01 lượt dẫn tàu thì áp dụng bằng giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu quy định tại Điều 8, Điều 9 của Biểu giá này.

3. Tổng dung tích (GT) là một trong các đơn vị cơ sở để tính giá dịch vụ hoa tiêu, trong đó:

a) Đối với tàu thuyền chở hàng lỏng: dung tích toàn phần tính bằng 85% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định, không phân biệt tàu có hay không có két nước dẫn;

b) Đối với tàu thuyền chở khách: dung tích toàn phần tính bằng 50% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định.

4. Công ty Hoa tiêu hàng hải khu vực V khi cung cấp dịch vụ sẽ sử dụng hóa đơn theo quy định của pháp luật.

5. Các mức giá quy định tại Biểu giá này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Chương II: CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 7. Giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa

1. Tính theo đơn giá: Giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải cho một lượt dẫn tàu bằng tích số của đơn giá tối đa quy định tại Mục 1,2,3,5 khoản 1 Điều này với cự ly dẫn tàu với tổng dung tích của tàu thuyền. Riêng đối với Mục 4 khoản 1 Điều này được tính bằng tích số của đơn giá tối đa quy định tại Mục 4 khoản 1 Điều này với tổng dung tích của tàu thuyền.

Mục	Loại dịch vụ	Đơn vị tính	Đơn giá tối đa
1	Dịch vụ hoa tiêu tại các tuyến dẫn tàu: Phú Quốc (Tỉnh Kiên Giang); Bình trị, Hòn Chông(Tỉnh Kiên Giang)	Đồng/GT/HL	40
2	Dịch vụ hoa tiêu tại các tuyến dẫn tàu: Định An; qua luồng sông Hậu	Đồng/GT/HL	30
3	Dịch vụ hoa tiêu tại tuyến dẫn tàu Duyên Hải (Tỉnh Trà Vinh)	Đồng/GT/HL	60
4	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng có sử dụng dịch vụ hoa tiêu mà khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý.	Đồng/GT	60
5	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền trên các tuyến còn lại.	Đồng/GT/HL	25

2. Tính theo lượt dẫn tàu: Giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải nội địa tính theo lượt dẫn tàu là 2.000.000 đồng/lượt.

3. Trường hợp giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải tính theo đơn giá quy định tại khoản 1 Điều này thấp hơn giá tối đa theo lượt dẫn tàu quy định tại khoản 2 Điều này, thì giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải tính theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 8. Giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế

1. Tính theo đơn giá: Giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải cho một lượt dẫn tàu bằng tích số của đơn giá tối đa quy định tại Mục 1,2,3 khoản 1 và khoản 2 Điều này với cự ly dẫn tàu với tổng dung tích của tàu thuyền. Riêng đối với Mục 4 khoản 1 Điều này được tính bằng tích số của đơn giá tối đa quy định tại Mục 4 khoản 1 Điều này với tổng dung tích của tàu thuyền.

Mục	Loại dịch vụ	Đơn vị tính	Đơn giá tối đa
1	Dịch vụ hoa tiêu tại các tuyến dẫn tàu Bình trị, Hòn Chông (Tỉnh Kiên Giang); Năm Căn (tỉnh Cà Mau); nhà máy nhiệt điện Duyên Hải (tỉnh Trà Vinh)	USD/GT/HL	0,0045
2	Dịch vụ hoa tiêu tại các tuyến dẫn tàu: Định An; qua luồng Sông Hậu	USD/GT/HL	0,0032
3	Dịch vụ hoa tiêu tại tuyến dẫn tàu khu vực Phú Quốc (tỉnh Kiên Giang).	USD/GT/HL	0,0070
4	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng có sử dụng dịch vụ hoa tiêu mà khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý.	USD/GT	0,0150

2. Đối với các trường hợp sử dụng dịch vụ hoa tiêu hàng hải Tuyến tàu khách Mỹ Tho- Sa Đéc- Vĩnh Xương và các tuyến cảng khác (ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này) thì giá dịch vụ hoa tiêu được tính như sau:

Mục	Loại dịch vụ	Đơn vị tính	Đơn giá tối đa
1	Phần khoảng cách đến 10 hải lý	USD/GT/HL	0,00340
2	Phần khoảng cách trên 10 hải lý đến 30 hải lý	USD/GT/HL	0,00220
3	Phần khoảng cách trên 30 hải lý	USD/GT/HL	0,00150

3. Tính theo lượt dẫn tàu: Giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải quốc tế tính theo lượt dẫn tàu.

a) Giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải theo lượt dẫn tàu quy định tại mục 1,2,3 khoản 1, khoản 2 Điều này là 300USD/lượt.

b) Giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải theo lượt dẫn tàu quy định tại mục 4 khoản 1 Điều này là 100USD/lượt.

c) Giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải theo lượt dẫn tàu đối với tàu thuyền có dung tích dưới 200GT (Kể cả tàu đánh bắt cá) là 40USD/lượt.

4. Trường hợp giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải tính theo đơn giá quy định tại khoản 1 Điều này thấp hơn giá tối đa theo lượt dẫn tàu quy định tại khoản 3 Điều này, thì giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải tính theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 9: Các trường hợp tính giá cụ thể

1. Khi yêu cầu dịch vụ hoa tiêu hàng hải, người yêu cầu hoa tiêu phải báo cho tổ chức hoa tiêu trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu tối thiểu là 06 giờ. Trường hợp thay đổi giờ yêu cầu hoa tiêu hoặc hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu, người yêu cầu hoa tiêu phải báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến tối thiểu là 03 giờ;

2. Trường hợp thay đổi giờ yêu cầu hoa tiêu hoặc hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, người yêu cầu hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi thì áp dụng mức giá bằng 30.000 VNĐ/người/giờ đối với hoạt động nội địa và 10 USD/người/giờ đối với hoạt động quốc tế. Đối với trường hợp bao gồm cả phương tiện thì áp dụng mức giá bằng 200.000 VNĐ/người và phương tiện/giờ đối với hoạt động nội địa và 20 USD/người và phương tiện/giờ đối với hoạt động quốc tế. Trường hợp hoa tiêu chưa xuất phát thì tính 01 giờ; hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát, thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu được tính tối thiểu là 01 giờ; hoa tiêu chỉ chờ đợi tại địa điểm đón tàu sau thời điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu không quá 04 giờ, quá thời gian trên việc yêu cầu dịch vụ hoa tiêu coi như đã hủy bỏ và người yêu cầu hoa tiêu phải trả 80% số tiền tính giá dịch vụ hoa tiêu theo cự ly dẫn tàu đã yêu cầu hoa tiêu trước đó và mức giá quy định tại Điều 7 và Điều 8 của biểu giá này.

3. Hoa tiêu đã hoàn thành việc dẫn tàu, nếu thuyền trưởng vẫn giữ hoa tiêu lại sẽ tính thêm tiền chờ đợi và tiền chờ đợi được tính theo số giờ giữ lại thực tế.

4. Trường hợp hoa tiêu đã lên tàu mà người yêu cầu hoa tiêu hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu thì người yêu cầu hoa tiêu phải trả 80% số tiền tính giá dịch vụ hoa tiêu theo cự ly dẫn tàu đã yêu cầu hoa tiêu trước đó và mức giá quy định tại Điều 7 và Điều 8 của biểu giá này.

5. Tàu thuyền có hành trình để thử máy móc, thiết bị, hiệu chỉnh la bàn thì mức giá áp dụng bằng 110% mức giá quy định tại Điều 7 và Điều 8 của biểu giá này.

6. Tàu thuyền không tự vận hành được vì lý do sự cố kỹ thuật mà phải sử dụng tàu lai thì áp dụng bằng 150% mức giá quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Biểu giá này.

7. Tàu thuyền yêu cầu hoa tiêu đột xuất (ngoài quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều này) thì áp dụng bằng 110% mức giá quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Biểu giá này.

8. Trường hợp hoa tiêu đã lên tàu nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng có cảng vụ hàng hải khu vực xác nhận thì giá dịch vụ hoa tiêu bằng

mức giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Biểu giá này.

9. Tàu thuyền không tới thẳng cảng đến mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm) chủ tàu phải trả chi phí phương tiện phát sinh thêm trong việc đưa đón hoa tiêu. Giá dịch vụ phương tiện đón trả hoa tiêu không quá 300.000 VNĐ/tàu/lượt đối với tàu hoạt động nội địa và 30 USD/tàu/lượt đối với tàu hoạt động quốc tế.

10. Tàu thuyền (trừ tàu thuyền chở khách) vào, rời một khu vực hàng hải tối thiểu 04 chuyên/tháng/khu vực hàng hải trở lên, thì từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này trong tháng, áp dụng bằng 80% mức giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Biểu giá này nhưng không thấp hơn 2.000.000 VNĐ đối với tàu hoạt động nội địa và 300 USD đối với tàu hoạt động quốc tế.

11. Tàu thuyền chở khách vào, rời khu vực hàng hải tối thiểu 04 chuyên/tháng/khu vực hàng hải, từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này trong tháng, áp dụng bằng 50% mức giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Biểu giá này nhưng không thấp hơn 2.000.000 VNĐ đối với tàu hoạt động nội địa và 300 USD đối với tàu hoạt động quốc tế.

12. Tàu thuyền chở khách hoạt động quốc tế có dung tích toàn phần từ 50.000 GT trở lên vào, rời một khu vực hàng hải, áp dụng bằng 40% mức giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Biểu giá này nhưng không thấp hơn 300 USD.

13. Tàu thuyền phải dịch chuyển giữa các cầu cảng trong phạm vi bên cảng theo yêu cầu của giám đốc doanh nghiệp cảng thì áp dụng theo mức giá dịch vụ hoa tiêu dịch chuyển trong cảng đối với tàu thuyền hoạt động hàng hải theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Biểu giá này.

14. Tàu thuyền hoạt động vào, rời khu vực hàng hải lấy nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt, thay đổi thuyền viên, sửa chữa, phá dỡ hoặc chạy thử sau khi sửa chữa hoặc đóng mới mà không bốc dỡ hàng hoá, không đón, trả khách, áp dụng bằng 70% mức giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Biểu giá này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Biểu giá này có hiệu lực thi hành từ ngày 04 tháng 09 năm 2024.

Điều 12. Thủ tục sử dụng dịch vụ hoa tiêu

1. Biểu mẫu yêu cầu cung cấp dịch vụ hoa tiêu (*Phụ lục kèm theo*).
2. Thông tin liên hệ:

- Tên đơn vị: Chi nhánh Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Nam –
Hoa tiêu V.

Địa chỉ: 512/A3-4 đường số 2, KDC An Thới – CMT8 – P.Bùi Hữu Nghĩa –
Q.Bình Thủy – TP.Cần Thơ.

Mã số thuế: 0318606000-004

Email: congyhoatieu5@gmail.com

3. Chi tiết các Phòng, Ban Công ty:

- Phòng Hoa tiêu- phương tiện: 0292.3821642 Fax: 0292.3826483

- Phòng TCTH: 0292.3884141



PHỤ LỤC 01
PHIẾU YÊU CẦU CUNG CẤP DỊCH VỤ
(ORDER)

Mã số khách hàng
(do công ty Hoa tiêu cung cấp)

- Tên đại lý / chủ tàu gửi order:.....
- Địa chỉ đại lý / chủ tàu:.....
- Số điện thoại:..... Fax:..... Mail:.....
- Yêu cầu Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực V bố trí hoa tiêu dẫn tàu:
- Thông số kỹ thuật tàu:

Tàu	Quốc tịch	Hô hiệu
LOA/BEAM	Draft (F/A)	Loại tàu
GT	NT	HĐKD tuyến
DWT	Hàng hóa	Loại hàng hóa

- Ca nô đẹp luồng: có không
- Yêu cầu hoa tiêu dẫn tàu

VÀO

Từ	Đến	Lúc	Ngày
----	-----	-----	------

RỜI

Từ	Đến	Lúc	Ngày
----	-----	-----	------

DỜI

Từ	Đến	Lúc	Ngày
----	-----	-----	------

- Cảng rời :.....
- Cảng đến:.....
- Cảng đến tiếp theo:.....
- Giá dịch vụ hoa tiêu tính cho đại lý / chủ tàu:
- Thông tin xuất Hóa đơn như sau:
- + Tên Công ty (khách hàng):.....
- + Địa chỉ:.....
- + Mã số thuế:.....
- + Địa chỉ giao, nhận hóa đơn:
- Cam kết thời gian thanh toán tiền:.....

....., ngày.....thángnăm.....

Ký tên và đóng dấu
(số ĐT liên hệ)

*** Ghi chú:**

- Order được xem như một hợp đồng có giá trị pháp lý cam kết yêu cầu cung cấp dịch vụ hoa tiêu và thanh toán giữa khách hàng (đại lý/chủ tàu) và Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực V

- Trường hợp Order không có dấu tròn thì người ký xác nhận trên Order phải là người đã được đại lý/chủ tàu giới thiệu bằng văn bản cụ thể.
- Nếu khách hàng yêu cầu dịch vụ hoa tiêu không theo mẫu này thì mẫu Order của khách hàng phải đầy đủ các thông tin theo yêu cầu Công ty chúng tôi mới chấp nhận thực hiện dịch vụ.



PHỤ LỤC 02
PHIẾU XÁC NHẬN
PILOTAGE CERTIFICATE

1. Pilot's name:.....2. Time of POB:.....
1. Pilot from:..... To:.....
2. ship's name:.....
3. Captian:.....
4. Agency:.....7. ship's kind:.....
8. LOA:..... GRT:.....DWT:.....Draft: F:.....A:.....
9. Time of service: from:.....hrs. Date:...../...../.....
To: :.....hrs. Date:...../...../.....
10. A waiting time onboard: from:.....hrs. Date:...../...../.....
To: :.....hrs. Date:...../...../.....
11. Reason of waiting onboard:.....
.....
12. Captain's remark:.....
.....

Date:...../...../20.....

Pilot's Signature

Captain's Signature